

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2024/DS-ST
Ngày: 24-01-2024
“V/v Tranh chấp hợp đồng
Mua bán khóm”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lương Thị Hồng Hạnh**.

Ông Danh Út Nhỏ.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao:** Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 113/2023/TLST-DS, ngày 06/10/2023 về việc “Tranh chấp Hợp đồng **mua bán khóm**” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 66/2023/QĐXXST-DS, ngày 27 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Thái Văn H – sinh năm 1967 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp Ph, xã V, huyện G, tỉnh K.

- **Bị đơn:** Ông Nguyễn Thanh V – sinh năm 1984 (có mặt) và bà Nguyễn Thị Kiều Th – sinh năm 1987 (vắng mặt);

Cùng địa chỉ: Ấp Ph, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Hiện đang tạm trú tại: Ấp Ph1, xã V, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/8/2023, bản tự khai và tại phiên tòa Nguyên đơn ông Thái Văn H trình bày:

Vào tháng 05/2021, tôi có đi mua khóm trái giùm cho vợ chồng ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị Kiều Th là 03 xe tải (02 chiếc nhỏ, 01 chiếc lớn) khóm này được mua của ông Trần Văn L, địa chỉ ấp V, xã V, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang. Mua 02 xe đầu số tiền là 60.000.000đ tôi nhớ vào ngày 12/5/2021, ông V có đưa cho tôi 28.000.000đ để trả tiền 02 xe khóm, tôi thấy số tiền không đủ nên tôi không lấy. Sau đó, ông L cắt thêm 01 xe tải nữa tổng cộng trước sau là 99.040.000đ (chỉ khóm loại 1, loại 2).

Sau khi giao khóm xong đến hẹn ông V không có trả tiền mua khóm cho ông L và để nợ cho đến nay. Do ông V không trả tiền khóm cho ông L nên ông L kiện tôi ra Tòa, sau đó tôi phải bán đất để trả tiền cho ông L theo quyết định của Tòa án, việc trả tiền này được thực hiện qua Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao. Tôi đã trả tiền cho ông L xong **từ ngày 14/6/2023** do tôi đứng ra hỏi mua khóm giùm và việc đứng ra mua giùm này tôi đã trả tiền thay cho vợ chồng ông V nên nay tôi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông V phải trả lại cho tôi số tiền 99.040.000đ (*Chín mươi chín triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng*) và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của nhà nước, thời gian tính từ ngày tôi đã trả xong cho ông L ngày 14/6/2023 cho đến ngày xét xử.

Tôi công nhận trước đây tôi có đi mua khóm lấy cò cho vợ chồng ông V, bà Th. Tuy nhiên, đó là thời điểm trước, còn riêng số khóm tôi mua của ông L là tôi chỉ mua dùm cho vợ chồng ông V chứ không có lấy tiền cò.

Tại phiên tòa, ông Thái Văn H yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử buộc ông Nguyễn Thanh V và vợ bà Nguyễn Thị Kiều Th phải trả cho ông số tiền nợ mua khóm **mà ông đã trả thay cho ông V và bà Th** là 99.040.000đ (*Chín mươi chín triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng*) và yêu cầu **tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày 14/6/2023 đến thời điểm xét xử và yêu cầu vợ chồng ông V, bà Th trả nợ một lần.**

Đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của Nguyên đơn, tại Bản tự khai, Biên bản hòa giải và tại phiên tòa Bị đơn ông Nguyễn Thanh V trình bày:

Tôi thừa nhận tôi có nhờ ông H mua khóm và có nợ ông H số tiền nhờ mua khóm trái là 99.040.000 đồng **như ông H đã trình bày**. Đối với số nợ trên hiện tại tôi đang gặp khó khăn, nợ nhiều người nên chưa có khả năng trả nợ một lần theo yêu cầu của ông H được. Trước đây, tôi có xin ông H mỗi tháng trả dần cho ông H số tiền 5.000.000đ vì tôi còn phải trả cho những người khác nữa nhưng ông H không chịu và đi thưa tôi. Tại phiên hòa giải trước tôi có hứa sẽ trả cho ông H từ nay cho đến Tết nguyên đán tôi sẽ trả trước 10.000.000đ; còn sau Tết thì tôi trả dần hàng tháng mỗi tháng là 10.000.000đ cho đến khi hết nợ; còn phương án thứ 2 là chờ vợ chồng tôi đi xuất khẩu lao động ở nước ngoài thì mới thu nhập cao và chúng tôi hàng tháng sẽ chuyển trả cho ông H khoảng từ 37.000.000đ – 40.000.000đ. Nhưng hiện tại kinh tế tôi gặp khó khăn nên phương án trước tôi sợ không đảm bảo nên tôi xin ông H cho tôi được trả dần mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi dứt nợ.

Riêng đối với vợ tôi là Nguyễn Thị Kiều Th thì không có liên quan gì đến số tiền nợ cũng như việc mua bán với ông H. Do đó, tôi cam kết sẽ chịu mọi trách nhiệm trả nợ cho ông H.

Đối với bị đơn **bà Nguyễn Thị Kiều Th** trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật (có chồng là ông Nguyễn Thanh V nhận thay và cam kết sẽ giao lại) nhưng bà Th không cung cấp bản tự khai và cũng không đến Tòa án để làm việc nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của bà Th.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và quan hệ pháp luật tranh chấp: Cho rằng quyền và lợi ích hợp pháp của mình bị xâm phạm nên ông Thái Văn H khởi kiện ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị Kiều Th về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán khóm” được Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] Sự có mặt của những người tham gia tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều Th đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Nguyên đơn ông Thái Văn H và bị đơn ông Nguyễn Thanh V công nhận với nhau: Do quen biết nên ông V có thỏa thuận với ông H là ông H đi tìm chỗ có khóm, xem khóm, mua khóm rồi về báo lại với ông V, sau khi việc mua bán xong thì ông V sẽ trả tiền cò cho ông H. Riêng đối với số khóm ông H mua của ông L cho ông V là ông H mua dùm không có lấy hoa hồng.

Hai ông đã làm ăn với nhau được một thời gian không có xảy ra vấn đề gì. Ông H và ông V cũng công nhận có qua mua khóm của ông Hai Lùng ở ấp Vĩnh Thạnh, xã Vĩnh Hòa, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang với số tiền là 99.040.000đ. Sau khi mua khóm xong, ông V cho rằng khi ông đi giao khóm cho vựa thì dịch covid tới vựa không có khả năng chi trả, bẻ, không có tiền trả lại cho ông nên ông không có tiền để trả lại tiền đã mua khóm của ông Hai Lùng như thỏa thuận. Sau đó, ông H có đứng ra trả thay ông V số tiền 99.040.000đ cho ông L nên nay ông H yêu cầu vợ chồng ông V, bà Th phải có trách nhiệm hoàn trả lại cho ông số tiền mà ông đã trả thay cho vợ chồng ông V, bà Th là 99.040.000đ và yêu cầu tính lãi suất chậm trả kể từ ngày 14/6/2023 đến nay và yêu cầu ông V, bà Th phải trả đủ cho ông một lần. Ông V, đồng ý trả cho ông H số tiền 99.040.000đ và lãi suất chậm trả tuy nhiên ông V xin ông H cho ông được trả dần mỗi tháng là 5.000.000đ cho đến khi dứt số nợ.

Xét về việc thực hiện nghĩa vụ thì ông V, bà Th không thực hiện theo đúng thỏa thuận trả nợ cho ông H từ đó phát sinh tranh chấp. Xét về nội dung và hình thức mua bán như trên giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự nên phát sinh hiệu lực thi hành.

[4] Xét yêu cầu của ông Thái Văn H yêu cầu ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị Kiều Th phải trả cho ông số tiền mua khóm 99.040.000đ (Chín mươi chín triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng) và yêu cầu tính lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật từ ngày 14/6/2023 đến thời điểm xét xử và yêu cầu vợ chồng ông V, bà Th trả nợ một lần. Quá trình giải quyết vụ án ông V đều thừa nhận có nợ ông H số nợ gốc là 99.040.000đ (Chín mươi chín triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng), ông V đồng ý tính lãi theo yêu cầu của ông

H nhưng ông trình bày hiện tại hoàn cảnh khó khăn nợ nần nhiều người nên xin ông H cho ông được trả dần mỗi tháng 5.000.000đ cho đến khi dứt số nợ trên. Yêu cầu trên của ông V không được ông H chấp nhận.

Đối với, bà Nguyễn Thị Kiều Th không nộp văn bản trình bày ý kiến cũng không đến Tòa án tham gia hòa giải. Tuy nhiên, số nợ trên ông V nợ là phát sinh từ việc làm ăn của gia đình và phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông bà nên cần buộc bà Th phải có trách nhiệm liên đới cùng ông V trả nợ cho ông H.

HĐXX thấy rằng, ông V và bà Th không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ sau mua bán theo đúng cam kết là đã vi phạm nghĩa vụ tại Điều 440 BLDS và yêu cầu xin được trả nợ dần của ông V cũng không được ông H đồng ý cho nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H và buộc ông V, bà Th có trách nhiệm thanh toán số nợ vay này cho ông H là phù hợp. **Đồng thời phải trả lãi chậm thực hiện nghĩa vụ từ ngày 14/6/2023 đến ngày xét xử ngày 24/01/2024 là 07 tháng 10 ngày. Lãi suất được tính như sau:**

$99.040.000đ \times 10\%/năm$ (tương đương $0.83\%/tháng$) $\times 07$ tháng 10 ngày = $6.052.444đ$ làm tròn là $6.052.000đ$.

Tổng cộng gốc và lãi: $99.040.000đ + 6.052.000đ = 105.092.000đ$.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị Kiều Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch trên số tiền phải thi hành là $5.254.600đ$ ($105.092.000đ \times 5\%$), làm tròn là $5.255.000đ$.

Nguyên đơn ông Thái Văn H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015; khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái Văn H: Buộc Ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị Kiều Th **phải có trách nhiệm liên đới** trả cho ông Thái Văn H số tiền tổng cộng là **105.092.000đ** (*Một trăm lẻ năm triệu, không trăm chín mươi hai nghìn đồng*).

Trong đó: Tiền gốc là 99.040.000đ, lãi chậm thực hiện nghĩa vụ là **6.052.000đ**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản

tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh V và bà Nguyễn Thị Kiều Th phải chịu án phí dân sự có giá ngạch là 5.255.000đ (*Năm triệu, hai trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).

Ông Thái Văn H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.476.000đ (*Hai triệu, bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số **0000719 ngày 06/10/2023** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 24/01/2024.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Gò Quao;
- Chi cục THADS huyện Gò Quao;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Kim Nhập

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Kim Nhật